TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Thọ Nuôi.
2. Bà Nguyễn Thị Nhường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 2, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Bé B, sinh ngày 26/3/1983.

Địa chỉ: Ấp 2, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 102, 95-1.1-dong, Byeongbang-dong, Gyeyang-gu, Incheon Metropolitan City, Daewang Green Town (Đại Hàn Dân Quốc).

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Thanh A trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, ông và bà Phạm Thị Bé B tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004.

Trong thời gian chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp nên ông và bà Trang thường gây gổ, nhiều lần tranh cãi với nhau. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại ông và bà Trang không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau; đồng thời bà Trang đang sống tại Đại Hàn Dân Quốc.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân không đi đến kết quả tốt đẹp, không thể tiếp tục sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cơ hội hàn gắn hạnh phúc không có. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trang.

- Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Văn C, sinh ngày 10/9/2007, hiện đang sống cùng với ông. Khi ly hôn ông đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai tháng 01 năm 2022 của bà Phạm Thị Bé B đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Đại Hàn Dân Quốc hợp pháp hóa lãnh sự thể hiện: Bà thống nhất và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Đỗ Thanh A.

- Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Văn C, sinh ngày 10/9/2007, hiện đang sống cùng với ông A. Khi ly hôn bà đồng ý để ông A trực tiếp nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, trích lục kết hôn, giấy khai sinh, công văn số 94, passport (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) và tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ông Đỗ Thanh A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Bé B nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Theo bản tự khai của bà Phạm Thị Bé B được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/01/2022 để thể hiện yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà B.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Trích lục kết hôn số 596/TLKH-BS ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì ông Đỗ Thanh A và bà Phạm Thị Bé B là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Ông Đỗ Thanh A và bà Phạm Thị Bé B tự nguyện quen biết, tiến đến hôn nhân hợp pháp và sống cùng nhau được một khoảng thời gian khoảng 10 năm tại Việt Nam. Sau đó, bà Phạm Thị Bé B sang sinh sống tại Hàn Quốc. Ông

A và bà B đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường gây gổ, nhiều lần tranh cãi với nhau do tính tình không hòa hợp; hiện tại vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến nay; vợ chồng không còn tình cảm. Vì vậy, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà B đã *".... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*" theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A.

[3.3] Về con chung: Ông A và bà B thừa nhận một con chung tên Đỗ Văn C, sinh ngày 10/9/2007, hiện đang sống cùng với ông A tại Việt Nam và bà B cũng thống nhất để cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng con chung; đồng thời ý kiến của con chung cũng muốn sống với ông A nên cần giao cho ông A có quyền trực tiếp nuôi con chung.

[3.4] Về cấp dưỡng: Ông Đỗ Thanh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3.5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất là không có và không có người nào khác yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Đỗ Thanh A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Thanh A được ly hôn với bà Phạm Thị Bé B.

[2] Về con chung: Ông Đỗ Thanh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Văn C, sinh ngày 10/9/2007.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc ông Đỗ Thanh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp theo biên lai thu số 0000190 ngày 17/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho bà Phạm Thị Bé B theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh